

Rx

PESITO

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi viên nén bao phim chứa:

Thành phần dược chất:

L-Arginin hydroclorid.....250 mg

Thiamin hydroclorid (vitamin B₁).....100 mg

Pyridoxin hydroclorid (vitamin B₆).....20 mg

Thành phần tá dược: Colloidal anhydrous silica, cellulose vi tinh thể 102, PVP K30, talc, magnesi stearat, hypromellose 15 cps, PEG 6000, titan dioxid, oxid sắt đỏ

2. DẠNG BÀO CHẾ

Viên nén bao phim.

Mô tả: Viên nén bao phim màu đỏ, hình caplet, một mặt có vạch ngang, cạnh và thành viên lảnh lảnh.

3. CHỈ ĐỊNH

Điều trị hỗ trợ suy nhược cơ thể.

4. CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Thuốc dùng đường uống. Nuốt viên thuốc với nước.

Người lớn: Uống 2 viên/lần x 2-3 lần/ngày.

Thời gian điều trị không quá 4 tuần.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tăng calci máu, tăng calci niệu, sỏi calci, vôi hóa mô.

Phối hợp với levodopa.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Không được vượt quá liều khuyến cáo.

7. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Hiện chưa có nghiên cứu về khả năng gây quái thai ở động vật.

Về mặt lâm sàng, cho đến nay chưa thấy có tác dụng gây dị dạng hoặc độc tính trên thai nhi.

Tuy nhiên, do chưa có nghiên cứu đầy đủ về việc dùng thuốc này ở phụ nữ mang thai, vì vậy

tốt nhất là không sử dụng thuốc này trong thời kỳ mang thai.

Phụ nữ cho con bú

Do thiếu dữ liệu, không nên dùng thuốc này trong thời kỳ cho con bú.

8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc:

Liên quan đến pyridoxin:

Kết hợp chống chỉ định

Levodopa: Ức chế tác dụng của levodopa khi sử dụng mà không có chất ức chế dopadecarboxylase ngoại vi. Tránh dùng đồng thời pyridoxin và levodopa khi không có chất ức chế dopadecarboxylase.

Liên quan đến calci:

Kết hợp cần thận trọng

Các cyclin: Giảm hấp thu qua đường tiêu hóa của các cyclin. Nên dùng thuốc này cách xa các cyclin (> 2 giờ).

Các digitalis: Nguy cơ loạn nhịp tim. Theo dõi lâm sàng, và nếu cần, kiểm soát điện tâm đồ và calci huyết thanh.

Các diphosphonat: Nguy cơ giảm hấp thu qua đường tiêu hóa của các diphosphonat. Nên dùng thuốc này cách xa các diphosphonat (> 2 giờ).

Kết hợp cần xem xét

Thuốc lợi tiểu thiazid: Nguy cơ tăng calci huyết do giảm đào thải calci qua nước tiểu.

Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Chưa rõ tần suất: Các bệnh lý thần kinh (như bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác) có thể hồi phục khi ngừng điều trị đã được báo cáo sau khi dùng vitamin B₆ liều cao và/hoặc kéo dài.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

12. ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Vitamin kết hợp với các thuốc khác



Mã ATC: A11JC

13. ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

Chưa có thông tin.

14. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 3 vỉ x 10 viên.

Hộp 6 vỉ x 10 viên.

Hộp 10 vỉ x 10 viên.

15. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

16. HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

17. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG THUỐC

TCCS.

**18. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ**

Địa chỉ: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trường Thọ - Lô M1, Đường N3, Khu Công nghiệp Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

